

KẾ HOẠCH

Giám sát, khảo sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác cải cách hành chính đến năm 2025

Thực hiện Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch giám sát, khảo sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác cải cách hành chính đến năm 2025 (gọi tắt là Nghị quyết số 05-NQ/TU), cụ thể như sau:

I- Mục đích, yêu cầu

- Thông qua giám sát, khảo sát để đánh giá tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đánh giá những kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế, nguyên nhân, kịp thời kiến nghị đề xuất các biện pháp, giải pháp để tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU trong thời gian tới.

- Việc giám sát, khảo sát phải tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ, đúng nguyên tắc và quy định của Đảng; nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng được giám sát;

- Các ban đảng tỉnh, đảng đoàn, cấp ủy Sở, ban, ngành, huyện ủy, thành ủy, Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh phối hợp, tạo điều kiện, cung cấp hồ sơ, tài liệu và báo cáo đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát, khảo sát.

- Đề xuất, kiến nghị sau giám sát, khảo sát phải được tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả và được kiểm tra, đôn đốc, theo dõi thường xuyên.

II- Nội dung, đối tượng và mốc thời gian giám sát, khảo sát

1. Nội dung giám sát, khảo sát

Giám sát, khảo sát kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của các cơ quan, đơn vị, địa phương (kèm theo Đề cương báo cáo và Phụ lục).

2. Đối tượng giám sát, khảo sát

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn giám sát, khảo sát trực tiếp tại Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường; Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo; Cấp ủy Sở Công Thương; huyện ủy Ninh Phước; huyện ủy Ninh Hải và huyện ủy Ninh Sơn.

- Các ban đảng tỉnh, đảng đoàn, cấp ủy Sở, ban, ngành, huyện ủy, thành ủy, Mặt trận, đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh không thuộc đối tượng giám sát, khảo sát trực tiếp nêu trên tiến hành tự giám sát và báo cáo kết quả tự giám sát theo đề cương báo cáo và phụ lục kèm theo.

3. Mốc thời gian giám sát, khảo sát

Từ khi ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/9/2021 đến ngày 30/6/2022.

III- Thời gian, địa điểm, phương pháp tiến hành giám sát, khảo sát

1. Thời gian: Theo lịch cụ thể do Đoàn Giám sát, khảo sát thông báo đến các đơn vị. Hoàn thành trong quý III/2022.

2. Địa điểm: Tại trụ sở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Phương pháp tiến hành: Tổ chức giám sát, khảo sát theo quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 3761-QĐ/TU ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV- Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh

- Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Đoàn giám sát, khảo sát do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Bí thư Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn; đồng chí Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Trưởng đoàn; một số lãnh đạo và công chức của các ban đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Nội vụ và Sở, ngành liên quan làm thành viên.

- Đôn đốc cấp ủy các cơ quan, đơn vị, địa phương được chọn giám sát, khảo sát chủ động bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU để xây dựng báo cáo phục vụ làm việc, trong đó đi sâu phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, xác định những vấn đề trọng tâm trong công tác quản lý chỉ đạo trong thời gian đến.

- Theo dõi, đôn đốc Đoàn Giám sát, khảo sát chủ động bố trí thời gian làm việc phù hợp; thông báo lịch làm việc cho các thành viên Đoàn giám sát, khảo sát

được biết, tham dự làm việc; phối hợp với các tổ chức đảng liên quan thống nhất thời gian cụ thể và chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đạt kết quả; tổng hợp, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*thông qua Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh*) theo đúng thời hạn quy định tại Công văn số 1971-CV/TU, ngày 31/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; gồm:

+ Báo cáo kết quả giám sát, khảo sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại các cấp ủy, tổ chức đảng.

+ Dự thảo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giám sát, khảo sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại các cấp ủy, tổ chức đảng.

+ Dự thảo Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đẩy mạnh công tác Cải cách hành chính và các Chỉ số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nêu tại Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban đảng tỉnh, đảng đoàn, cấp ủy Sở, ban, ngành, Mặt trận và đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh, Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy xây dựng Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*theo Đề cương và phụ lục gửi kèm*), gửi về Đoàn giám sát, khảo sát (*thông qua Sở Nội vụ*) **trước ngày 15/8/2022**; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn giám sát, khảo sát hoàn thành nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (báo cáo),
- Vụ II, UBKT Trung ương (báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các ban đảng tỉnh, đảng đoàn, cấp ủy Sở, ban, ngành, Mặt trận và đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, Hồ sơ giám sát.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Phạm Văn Hậu

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

**Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về tăng cường công tác cải cách hành chính đến năm 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 152 -KH/TU, ngày 15/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Khái quát đặc điểm, tình hình chung của cơ quan, đơn vị, địa phương
- Những thuận lợi, khó khăn tác động đến quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

- Công tác tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU.
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU.
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm 2022 *(đến thời điểm kiểm tra)*.
- Công tác tổ chức thực hiện, giải pháp triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính từ khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU đến thời điểm báo cáo. Việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao các Bộ Chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, DTI, ICT, DDCI của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Các sáng kiến, cải tiến, mô hình mới trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU.
- Đối với các huyện, thành ủy: Báo cáo bổ sung công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai cải cách hành chính tại cấp xã, đặc biệt là việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

III- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác cải cách thể chế

Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi thi hành pháp luật.

2. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc rà soát, đề xuất cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cấp bản sao điện tử; việc công khai thủ tục hành chính; việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tròn quy trình giải quyết trên mạng điện tử; tích hợp kết nối dịch vụ công trực tuyến với cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch của Văn phòng Chính phủ; kết quả rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính; hoàn thiện các thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; kết quả giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp huyện, cấp xã; việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Việc thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, công tác quản lý, sử dụng biên chế; quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy:

+ Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy về Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và việc triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

+ Việc rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo tiêu chí thành lập quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Kết quả sắp xếp mạng lưới trường, lớp học thời gian qua.

+ Việc thực hiện thí điểm kiêm nhiệm chức danh; thực hiện quy định về số lượng cấp phó; quy định về tiêu chí thành lập tổ chức.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Việc tuyển dụng viên chức; kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức; thi tuyển chức danh, đánh giá chương trình hành động trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Kết quả xây dựng, rà soát, hoàn thiện, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kết quả tinh giảm biên chế.
- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức thông qua phần mềm đánh giá gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Công tác cải cách tài chính công

Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan nhà nước; về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

Số đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP:

- Số đơn vị nhà nước đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên:
- Số đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên:
- Số đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên:
- Số đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

6. Việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tình hình thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số năm 2022.

- Việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hộp thư công vụ trong trao đổi công việc.

- Việc sử dụng chữ ký số để phát hành văn bản điện tử. Việc thực hiện báo cáo Chỉ số Chuyển đổi số.

- Kết quả thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với cấp huyện: Báo cáo bổ sung kết quả triển khai giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại Bộ phận một cửa hiện đại cấp huyện.

7. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI, DDCI

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các trục nội dung do các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm phụ trách trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS của tỉnh (đối với các Sở, ban, ngành được giao phụ trách các trục nội dung trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI của tỉnh).

- Việc triển khai các giải pháp đẩy mạnh, cải thiện, nâng cao xếp hạng cải cách hành chính, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao mức độ hài

lòng của người dân và nâng cao Chỉ số DDCI tại cơ quan, đơn vị, địa phương (*đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương*).

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

2. Những hạn chế, khó khăn

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

4. Bài học kinh nghiệm

V- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

(Đính kèm Phụ lục số liệu)

PHỤ LỤC 1

Bảng thống kê và giải trình lý do hồ sơ trễ hẹn, tồn đọng (nếu có)
(Kèm theo Kế hoạch số 152-KH/TU, ngày 15/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Cơ quan, đơn vị/lĩnh vực giải quyết	Tổng số hồ sơ giải quyết trễ hẹn	Tổng số hồ sơ đang tồn đọng	Nguyên nhân trễ hẹn, tồn đọng (nêu cụ thể đối với từng lĩnh vực)
1				
2				
...				

PHỤ LỤC 2

Kết quả đơn giản hóa thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị
(Kèm theo Kế hoạch số 152-KH/TU, ngày 15/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên thủ tục hành chính	Kết quả đơn giản hóa					Ghi chú
		Ban hành mới	Sửa đổi thời gian giải quyết	Đơn giản hóa thành phần hồ sơ	Đơn giản hóa quy trình giải quyết	Giảm phí lệ phí	
I	Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị (tính đến 31/3/2022)						
1							
....							
II	Các thủ tục hành chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ qua rà soát, đơn giản hóa (tại mục này các cơ quan, đơn vị chỉ cần liệt kê các thủ tục đã bãi bỏ)						
1							
....							

PHỤ LỤC 3

Kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị

(Kèm theo Kế hoạch số 152-KH/TU, ngày 15/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh		Kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, ngành Trung ương	
		Nội dung kiến nghị	Văn bản cần sửa đổi, bổ sung	Nội dung kiến nghị	Văn bản cần sửa đổi, bổ sung
1	...	Ví dụ: - Giảm thời gian giải quyết của thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc. - Giảm số lượng hồ sơ cần phải nộp từ 02 bộ xuống còn 01 bộ.	Ghi rõ Điều, Khoản, Điểm của văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng với từng kiến nghị.	Ví dụ: - Bãi bỏ thủ tục này vì không cần thiết. - Thực hiện thủ tục này theo cơ chế một cửa liên thông. - Bãi bỏ (hoặc sửa đổi) một hoặc một số giấy tờ trong thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính. - Giảm phí, lệ phí	Ghi rõ Điều, Khoản, Điểm của văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng với từng kiến nghị.
...					